

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 155/2025/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 97/2022/NQ-HĐND
ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính
sách hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường giai đoạn 2023-2025**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 388/TTr-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 97/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường giai đoạn 2023-2025; Văn bản số 259/HĐND-KTNS ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đồng

ý chủ trương xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn; Báo cáo thẩm tra số 327/HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 97/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường giai đoạn 2023-2025.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 97/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường giai đoạn 2023-2025:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 như sau:

“1. Đối tượng được hỗ trợ: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, được Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị chủ trì tổ chức thực hiện hoạt động tuyên truyền, vận động về phân loại rác thải tại nguồn, giảm thiểu rác thải nhựa và bảo vệ môi trường tại địa phương.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 như sau:

“2. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí tổ chức hoạt động tuyên truyền, vận động Nhân dân phân loại rác thải tại nguồn, giảm thiểu rác thải nhựa và bảo vệ môi trường là 20 triệu đồng/xã, phường/năm.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 5 như sau:

“a) Vị trí xây dựng mô hình ủ phân từ rác thải hữu cơ tập trung phải được Ủy ban nhân dân cấp xã lựa chọn đảm bảo theo quy định và xác nhận việc lựa chọn bằng văn bản.”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 6 như sau:

“c) Trạm trung chuyển rác/điểm tập kết rác do Hợp tác xã môi trường hoặc Tổ/Đội vệ sinh môi trường được giao quản lý phải đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận bằng văn bản.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 7 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7 như sau:

“a) Hỗ trợ một lần 50% kinh phí mua xe cuốn ép rác, tối đa không quá 700 triệu đồng/xe/Hợp tác xã hoạt động thu gom, vận chuyển rác thải trên địa bàn xã, phường hoặc cụm xã, phường có quy mô dân số từ 24.000 người trở lên.

b) Đối với Hợp tác xã hoạt động thu gom, vận chuyển rác thải trên địa bàn xã, phường hoặc cụm xã, phường có quy mô dân số từ 40.000 người trở lên, được hỗ trợ 40% kinh phí mua xe cuốn ép rác thứ 2, tối đa không quá 500 triệu đồng.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 7 như sau:

“a) Hợp tác xã có cam kết thực hiện việc thu gom, vận chuyển rác thải trên địa bàn tỉnh trong thời gian tối thiểu 5 năm kể từ thời điểm được hỗ trợ; trường hợp không thực hiện đúng cam kết thì phải hoàn trả lại kinh phí đã nhận hỗ trợ cho ngân sách tỉnh.”

Điều 2. Bổ sung quy trình thực hiện và hồ sơ hỗ trợ năm 2025

1. Quy trình và hồ sơ hỗ trợ thực hiện năm 2025 theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Biểu rà soát nhu cầu hỗ trợ thực hiện chính sách bảo vệ môi trường năm 2025 thực hiện theo mẫu số 01/KH ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2. Quy định chuyên tiếp:

Đối với các xã/phường/thị trấn (trước sáp nhập) thuộc đối tượng được hỗ trợ theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 97/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường giai đoạn 2023-2025, đã đăng ký nhu cầu hỗ trợ thực hiện chính sách bảo vệ môi trường năm 2025 và tổ chức triển khai thực hiện hoạt động tuyên truyền, vận động về phân loại rác thải tại nguồn, giảm thiểu rác thải nhựa và bảo vệ môi trường trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục được hoàn thiện hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo mức hỗ trợ quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 97/2022/NQ-HĐND.

3. Nghị quyết này bãi bỏ một số nội dung sau:

a) Bãi bỏ các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 97/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường giai đoạn 2023-2025 và Nghị quyết số

133/2024/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 97/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường giai đoạn 2023-2025.

b) Bãi bỏ Biểu mẫu 01/KH kèm theo Nghị quyết số 97/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường giai đoạn 2023-2025 và Nghị quyết số 133/2024/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 97/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường giai đoạn 2023-2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XVIII, Kỳ họp thứ 30 thông qua ngày 24 tháng 7 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực II;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội Đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVIII;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ4, TH2. 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Tú Anh

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG.....

BIỂU RÀ SOÁT NHU CẦU HỖ TRỢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2025
(ĐÃ ĐĂNG KÝ TỪ CUỐI NĂM 2024)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ theo quy định	Số lượng	Nhu cầu kinh phí hỗ trợ	Đối tượng, địa điểm thực hiện/phạm vi thực hiện	Xác nhận nhu cầu đăng ký năm 2025 (Ghi rõ: tiếp tục đăng ký hoặc không đăng ký hoặc điều chỉnh sang nội dung khác trong Nghị quyết số 97/2022/NQ-HĐND, Nghị quyết số 133/2024/NQ-HĐND hoặc bổ sung so với nội dung đã đăng ký)
I	Chính sách hỗ trợ hoạt động tuyên truyền về phân loại rác tại nguồn, giảm thiểu rác thải nhựa và BVMT, trong đó:						
1	- UBND xã/phường/thị trấn (cũ)....	địa phương	20.000			Tên tổ chức chính trị xã hội (cũ) đã đăng ký hỗ trợ	
2	- UBND xã/phường/thị trấn (cũ)....	địa phương	20.000			Tên tổ chức chính trị xã hội (cũ) đã đăng ký hỗ trợ	
							

II	Chính sách hỗ trợ kinh phí mua chế phẩm sinh học để ủ phân và xử lý mùi tại mô hình ủ rác hữu cơ tập trung, trong đó:						
1	- UBND xã/phường/thị trấn (cũ)....	mô hình	15.000			Mô hình ủ rác hữu cơ tập trung tại các thôn/tổ dân phố:	
2	- UBND xã/phường/thị trấn (cũ)....	mô hình	15.000			Mô hình ủ rác hữu cơ tập trung tại các thôn/tổ dân phố:	
							
III	Chính sách hỗ trợ kinh phí mua chế phẩm sinh học khử mùi tại trạm trung chuyển/điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt, trong đó:						
1	- UBND xã/phường/thị trấn (cũ)....	Điểm	10.000			Trạm trung chuyển/điểm tập kết tại các thôn/tổ dân phố:	
2	- UBND xã/phường/thị trấn (cũ)....	Điểm	10.000			Trạm trung chuyển/điểm tập kết tại các thôn/tổ dân phố:	
							
IV	Chính sách hỗ trợ kinh phí mua thùng chuyên dụng gom rác tại trạm trung chuyển/điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt, trong đó:						

1	- UBND xã/phường/thị trấn (cũ)....	Điểm	20.000			Trạm trung chuyển/điểm tập kết tại các thôn/tổ dân phố:	
2	- UBND xã/phường/thị trấn (cũ)....	Điểm	20.000			Trạm trung chuyển/điểm tập kết tại các thôn/tổ dân phố:	
							
V	Chính sách hỗ trợ kinh phí mua xe cuốn ép rác phục vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt:						
1	Hợp tác xã..... (hỗ trợ xe thứ nhất)	Xe	700.000			Thu gom rác trên địa bàn các xã/phường/thị trấn:..... (có quy mô dân số.... người)	
2	Hợp tác xã..... (hỗ trợ xe thứ hai)	Xe	500.000			Thu gom rác trên địa bàn các xã/phường/thị trấn:..... (có quy mô dân số.... người)	
							
	Tổng cộng						

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN